

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐA TRÍ TUỆ HTS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐA TRÍ TUỆ HTS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTS GROUP MULTI-INTELLIGENCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HTS GROUP., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110789524

**3. Ngày thành lập:** 19/07/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1 lô A3, khu nhà ở số 2 Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0588662222

Fax:

Email: hong79.ftu@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo và bồi dưỡng kiến thức, hoàn thiện kỹ năng cho trẻ em; - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, dạy và phát triển các kỹ năng cho trẻ em: kỹ năng sống, kỹ năng học tập, kỹ năng diễn đạt ý tưởng, làm giàu kiến thức cho trẻ em, kỹ năng giao tiếp, tăng cường khả năng lãnh đạo, khuyến khích tinh thần say mê học tập; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh khá giỏi; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy tin học | 8559(Chính) |
| 2.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục; - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục; - Dịch vụ kiểm tra giáo dục; - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên; - Dịch vụ tư vấn du học;                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8560        |
| 3.  | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8511        |
| 4.  | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8512        |
| 5.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8521        |
| 6.  | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8522        |
| 7.  | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8523        |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8531        |
| 9.  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8532        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                             | 8533 |
| 11. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                | 8551 |
| 12. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                  | 8552 |
| 13. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                        | 1811 |
| 14. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                     | 1812 |
| 15. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                    | 1820 |
| 16. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                | 2817 |
| 17. | Sản xuất đồ chơi, trò chơi                                                                                                                                                                                                                   | 3240 |
| 18. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                         | 3290 |
| 19. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                           | 4649 |
| 20. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                     | 4761 |
| 21. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                     | 4764 |
| 22. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội<br>Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học giáo dục; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực tâm lý học; | 7221 |
| 23. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                   | 6810 |
| 24. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản.                                                                                                                                | 6820 |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>ĐỨC TUẤN | CH401 nhà<br>N1AB khu Trung<br>Hòa Nhân Chính,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 210.000       | 2.100.000.000            | 35,000       | 0010750065<br>18                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Tổng số                            | 210.000       | 2.100.000.000            | 35,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN THỊ<br>HỒNG   | CH401 nhà<br>N1AB khu Trung<br>Hòa Nhân Chính,<br>Phường Nhân<br>Chính, Quận<br>Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 330.000       | 3.300.000.000            | 55,000       | 0381790007<br>94                                                                                                       |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                    |                                                                                                                              | Tổng số                            | 330.000       | 3.300.000.000            | 55,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                                                         |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | NGUYỄN ANH ĐỨC | CH401 nhà N1AB khu Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 60.000 | 600.000.000 | 10,000 | 001202008787 |
|   |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                                                         | Tổng số                   | 60.000 | 600.000.000 | 10,000 |              |
|   |                |                                                                                                         |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: TRẦN THI HỒNG

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/11/1979

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038179000794

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: *Cục CS quản lý hành chính về Trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: CH401 nhà NIAB khu Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: CH401 nhà NIAB khu Trung Hòa Nhân Chính, Phường Nhân Chính,  
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội